TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1047/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2018
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng;

2. Ông Chu Mạnh Tường.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 429/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2018 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 300/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mỹ D, sinh năm: 1961 - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 6 Đường số 35, khu phố 2, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm: 1959 - (vắng mặt)

Địa chỉ: 6 Đường số 35, khu phố 2, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ D trình bày: Bà D tự nguyện tiến tới hôn nhân với ông Nguyễn Thành T từ năm 1981, do hai bên tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/1981 tại Ủy ban nhân dân phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống hôn nhân giữa bà D và ông Thành không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa hai bên là do ông T có tính lăng nhăng, không chung thủy, thường xuyên cặp bồ, quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài. Ông Nguyễn Thành T thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, con cái, mọi chi phí, chi tiêu trong gia đình chỉ do bà D gánh vác. Hai bên đã sống ly thân từ

năm 1995 cho đến nay, tuy sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm, chia sẽ nhau, thậm chí có nhiều ngày không nói chuyện nhau. Năm 2017, ông T thường xuyên say xỉn, kiếm chuyện chửi mắng bà D những lời lẽ dung tục, xúc phạm nên bà D đã dọn ra ngoài ở riêng cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Thành T để ổn định cuộc sống.

Giữa bà D và ông Nguyễn Thành T có 03 người con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 11/5/1984, Nguyễn Thùy Mỹ D, sinh ngày 16/7/1991 và Nguyễn Thùy Mỹ Hương G, sinh ngày 08/8/1994. Hiện tài cả 03 con chung đều đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung bà D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, giữa hai bên không có nợ chung.

(2) Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa hôm nay: Ông Nguyễn Thành T tiếp tục vắng mà không có lý do. Nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Thành Tười đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng hoặc sự kiện bất khả kháng nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên chấp nhận. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đặng Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thành T là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ kiện, bị đơn ông Nguyễn Thành T đang cư trú trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ D có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thành T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 241, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/1981 có cơ sở xác định giữa bà Đặng Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thành T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn về nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa hai bên là do ông Nguyễn Thành T không chung thủy, thiếu trách nhiệm với gia đình, ông T thường xuyên say xỉn có những lời lẽ xúc phạm nhân phẩm bà D. Toàn bộ lời khai của bà D đã được công khai trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cư, đã được thông báo cho ông Nguyễn Thành T, thế nhưng ông T không có ý kiến phản hồi cũng không phản đối. Xét thấy, đây là trường hợp vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà D đã dọn nhà ra ngoài thuê phòng trọ ở riêng, mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được. Tình trạng hôn nhân giữa bà Đặng Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thành T thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào các giấy khai sinh số 846 quyển số 03/1984 đăng ký ngày 23/5/1984 tại Ủy ban nhân dân phường Tam Bình, quận Thủ Đức; Giấy khai sinh số 165 quyển số 02 ngày 22/7/1991 và số 188 quyển số 02 ngày 26/8/1994 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Linh Đông, quận Thủ Đức. Có sơ sở xác định bà Đặng Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thành T có 03 người con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 11/5/1984, Nguyễn Thùy Mỹ D, sinh ngày 16/7/1991 và Nguyễn Thùy Mỹ Hương G, sinh ngày 08/8/1994. Bà Đặng Thị Mỹ D xác định hiện tại cả 03 con đều đã trưởng thành và đủ khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Mỹ D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Đặng Thị Mỹ D tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đặng Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

- *Về con chung*: Bà Đặng Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thành T có 03 người con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 11/5/1984, Nguyễn Thùy Mỹ D, sinh ngày 16/7/1991 và Nguyễn Thùy Mỹ Hương G, sinh ngày 08/8/1994 (hiện tại cả 03 đều đã trưởng thành và có khả năng lao động).

- *Về tài sản chung*: Bà Đặng Thị Mỹ D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Đặng Thị Mỹ D tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng buộc bà Đặng Thị Mỹ D phải nộp theo quy định, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0038684 ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Thị Mỹ D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thành T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Thiên